

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/7/2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Bình;  
2. Bà Hoàng Thị Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Chị Rơ Châm N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*-Bị đơn:* Anh Rơ Châm H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*- Người phiên dịch:* Bà Rơ Châm U, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Rơ Châm N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm N và anh Rơ Châm H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2010 chị N với anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đi uống rượu rồi về nhà quậy phá, đánh đập vợ con. Chị và anh H đã được già làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người Jrai được hơn 02 năm nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Rơ Châm H.

Về con chung: Chị Rơ Châm N và anh Rơ Châm H có 04 con chung là Rơ Châm ALenh, sinh ngày 01/01/2000, Rơ Châm N1, sinh ngày 01/01/2004, Rơ Châm H1, sinh ngày 20/10/2006 và Rơ Châm N2, sinh ngày 19/01/2014.

Hiện 02 con lớn đã thành niên, có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu giải quyết. Đối với 02 con nhỏ, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Rơ Châm N không yêu cầu anh Rơ Châm H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Rơ Châm N không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị Rơ Châm N không có yêu cầu gì thêm.

*Đối với bị đơn là anh Rơ Châm H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Rơ Châm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm N và anh Rơ Châm H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999, đến ngày 17/8/2010 chị N với anh H mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp. Nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị Rơ Châm N cho rằng vợ chồng chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đi uống rượu rồi về nhà quậy phá, đánh đập vợ con. Chị và anh H đã được gia

làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người Jrai được hơn 02 năm nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Rơ Châm H.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Rơ Châm H không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy anh H đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị N và chính quyền địa phương cũng xác nhận chị N và anh H đã được già làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục người Jrai, hiện nay chị N và anh H không còn chung sống với nhau. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Chị Rơ Châm N và anh Rơ Châm H có 04 con chung là Rơ Châm ALenh, sinh ngày 01/01/2000, Rơ Châm N1, sinh ngày 01/01/2004, Rơ Châm H1, sinh ngày 20/10/2006 và Rơ Châm N2, sinh ngày 19/01/2014. Hiện 02 con lớn là Rơ Châm ALenh, Rơ Châm N1 đã thành niên nên, có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu giải quyết. Đối với 02 con nhỏ là Rơ Châm H1 và Rơ Châm N2, ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

Tại bản tự khai của cháu Rơ Châm N2 và biên bản lấy lời khai của cháu Rơ Châm H1 trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của chị N và nguyện vọng của các cháu thấy rằng: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị N là người nuôi trực tiếp cả 02 con chung, chị N vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh H không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Rơ Châm N không yêu cầu anh Rơ Châm H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Chị Rơ Châm N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Rơ Châm N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm N được ly hôn với anh Rơ Châm H.

-Về con chung: Giao hai cháu Rơ Châm H1, sinh ngày 20/10/2006 và Rơ Châm N2, sinh ngày 19/01/2014 cho chị Rơ Châm N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Rơ Châm H không phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị Rơ Châm N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Rơ Châm N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0008171 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã Ia Khươl;
- Đương sự;
- Luru HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hòa**